

**PHU LỤC 04**  
**BIỂU TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC,**  
**HĐLĐ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP KHỎI ĐƠN VỊ**  
**SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA XÃ PHÚC THỊNH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

ĐVT: người

| STT        | Đơn vị trường    | Đơn vị tính | Tổng số      | Viên chức  |                    |                      |                      | HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP |           |                                        |           |
|------------|------------------|-------------|--------------|------------|--------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------------|-----------|----------------------------------------|-----------|
|            |                  |             |              | Tổng số    | Viên chức lãnh đạo | Viên chức chuyên môn | Nhân viên hành chính | Tổng số                               | Bảo vệ    | Chuyên môn, nghiệp vụ (Y tế, giáo dục) | Có nuôi   |
|            | <b>TỔNG CỘNG</b> | Người       | <b>1.132</b> | <b>913</b> | <b>52</b>          | <b>793</b>           | <b>68</b>            | <b>219</b>                            | <b>55</b> | <b>79</b>                              | <b>85</b> |
| <b>I</b>   | <b>MẦM NON</b>   | Người       | <b>434</b>   | <b>321</b> | <b>21</b>          | <b>283</b>           | <b>17</b>            | <b>113</b>                            | <b>21</b> | <b>7</b>                               | <b>85</b> |
| 1          | Bắc Hồng         | Người       | 67           | 49         | 3                  | 43                   | 3                    | 18                                    | 3         |                                        | 15        |
| 2          | Nam Hồng         | Người       | 62           | 46         | 3                  | 41                   | 2                    | 16                                    | 3         |                                        | 13        |
| 3          | Nam Hồng A       | Người       | 56           | 41         | 3                  | 36                   | 2                    | 15                                    | 3         | 2                                      | 10        |
| 4          | Trung Oai        | Người       | 57           | 42         | 3                  | 37                   | 2                    | 15                                    | 3         |                                        | 12        |
| 5          | Tiên Dương       | Người       | 47           | 35         | 3                  | 30                   | 2                    | 12                                    | 3         |                                        | 9         |
| 6          | Nguyễn Khê       | Người       | 78           | 57         | 3                  | 51                   | 3                    | 21                                    | 3         | 4                                      | 14        |
| 7          | Vân Nội          | Người       | 67           | 51         | 3                  | 45                   | 3                    | 16                                    | 3         | 1                                      | 12        |
| <b>II</b>  | <b>TIỂU HỌC</b>  |             | <b>369</b>   | <b>317</b> | <b>18</b>          | <b>273</b>           | <b>26</b>            | <b>52</b>                             | <b>25</b> | <b>27</b>                              | <b>0</b>  |
| 1          | Bắc Hồng         | Người       | 57           | 49         | 3                  | 42                   | 4                    | 8                                     | 4         | 4                                      |           |
| 2          | Nam Hồng         | Người       | 71           | 58         | 3                  | 50                   | 5                    | 13                                    | 4         | 9                                      |           |
| 3          | Lê Hữu Tựu       | Người       | 47           | 39         | 2                  | 34                   | 3                    | 8                                     | 4         | 4                                      |           |
| 4          | Tô Thị Hiền      | Người       | 35           | 32         | 2                  | 27                   | 3                    | 3                                     | 3         |                                        |           |
| 5          | Tiên Dương       | Người       | 52           | 46         | 3                  | 40                   | 3                    | 6                                     | 3         | 3                                      |           |
| 6          | Tiên Dương A     | Người       | 46           | 41         | 2                  | 36                   | 3                    | 5                                     | 3         | 2                                      |           |
| 7          | Vân Nội          | Người       | 61           | 52         | 3                  | 44                   | 5                    | 9                                     | 4         | 5                                      |           |
| <b>III</b> | <b>THCS</b>      |             | <b>329</b>   | <b>275</b> | <b>13</b>          | <b>237</b>           | <b>25</b>            | <b>54</b>                             | <b>9</b>  | <b>45</b>                              | <b>0</b>  |
| 1          | Bắc Hồng         | Người       | 57           | 51         | 2                  | 44                   | 5                    | 6                                     | 1         | 5                                      |           |
| 2          | Nam Hồng         | Người       | 69           | 56         | 3                  | 48                   | 5                    | 13                                    | 1         | 12                                     |           |
| 3          | Nguyễn Khê       | Người       | 74           | 59         | 3                  | 51                   | 5                    | 15                                    | 1         | 14                                     |           |
| 4          | Tiên Dương       | Người       | 76           | 61         | 3                  | 53                   | 5                    | 15                                    | 2         | 13                                     |           |
| 5          | Vân Nội          | Người       | 53           | 48         | 2                  | 41                   | 5                    | 5                                     | 4         | 1                                      |           |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚC THỊNH



**GIAO DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026**  
**ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS TIÊN DƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số: 1986/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

*ĐVT: triệu đồng*

| STT      | Nội dung                                                                                                                                  | Số tiền       | Nguồn kinh phí |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------|
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                                          | <b>17.335</b> |                |
| <b>1</b> | <b>Chi thường xuyên giao tự chủ</b>                                                                                                       | <b>16.286</b> |                |
| -        | Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng (1)                                                                                                  | 16.286        |                |
| <b>2</b> | <b>Chi thường xuyên giao không tự chủ</b>                                                                                                 | <b>1.049</b>  |                |
| -        | Kinh phí cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh THCS theo Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của HĐND Thành phố | 1.049         |                |
|          | <i>Trong đó: dành 40% thực hiện CCTL</i>                                                                                                  | <b>420</b>    |                |

**Ghi chú:**

- Căn cứ vào dự toán được giao, đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quyết định phân bổ dự toán chi tiết theo nội dung, khoản, mục và chia theo từng quý, gửi phòng Kinh tế Xã kiểm tra theo quy định.

- (1) đã bao gồm: lương, phụ cấp và các khoản đóng góp (tỷ lệ 23,5%) theo mức lương cơ bản: 2.340.000 đồng/người/tháng; kinh phí tăng lương thường xuyên, tăng mức phụ cấp thâm niên nhà giáo; tiền lương LDHĐ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP; kinh phí bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên TSCĐ; mua sắm đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và các khoản chi sự nghiệp giáo dục theo quy định tại đơn vị.